

Bản án số: 17/2017/KDTM-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Hương

Ông Trương Công Khánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2016/TLST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐST- KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Cho Gun W . Địa chỉ: đường V, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng A. Địa chỉ: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo giấy ủy quyền được lập ngày 09 tháng 8 năm 2016. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TC. Địa chỉ: Cụm Công nghiệp T, Khu công nghiệp H, quận L, TP. Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp cho bị nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1976, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo giấy ủy quyền được lập ngày 21 tháng 2 năm 2017. Có mặt

3. Người làm chứng: Ông Lee Sung H. Địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ngày 01/8/2015, giữa Ông Cho Gun W (sau đây gọi tắt là ông W) và Công ty TC do ông Lee Hye G, chức vụ: Giám đốc, có thỏa thuận đến ngày 31/8/2015 ông C góp vốn vào Công ty với số tiền là 200.000 USD, tương đương 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), mục đích: mở rộng sản xuất kinh doanh để sản xuất gỗ pallet với sản lượng dự kiến: 10.000 tấm/tháng, đồng thời Công ty sẽ chuyển nhượng lại cho Ông Cho Gun W 30% cổ phần và 30% lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ ngày 01/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông W đã chuyển tiền cho Công ty 2 đợt: đợt 1 vào ngày 10/8/2015 với số tiền là 2.000.000.000đ và đợt 2 vào ngày 24/9/2015 với số tiền là 1.000.000.000đ. Tổng số tiền vốn góp mà tôi đã góp vào Công ty tính đến thời điểm ngày 24/9/2015 là 3.000.000.000đ.

Sau khi giao tiền, tôi có yêu cầu Công ty thực hiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho tôi theo đúng cam kết ông W đã cử ông Lee Sang H đến Công ty để quản lý kế toán tài chính như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện việc chuyển nhượng theo đúng cam kết và Giám đốc Công ty là ông Lee Hye G đã không bàn giao việc quản lý kế toán tài chính cho người của tôi như đã cam kết. Bên cạnh đó, Công ty cũng không sử dụng số tiền đầu tư vào sản xuất pallet như cam kết mà đầu tư một số lĩnh vực khác. Như vậy, kể từ khi góp vốn, ông W không nhận được bất kỳ lợi ích nào từ phía Công ty và Công ty cũng chưa thực hiện đầy đủ các thỏa thuận về việc góp vốn bao gồm chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao quyền quản lý Công ty. Do đó, ông W đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty hoàn trả cho số tiền là 3.000.000.000đ đã góp vốn. Ngoài ra, ông W không còn yêu cầu nào khác.

* Căn cứ vào hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm này, đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TC là ông Nguyễn Phúc T trình bày:

Ngày 01/8/2015, giữa nguyên đơn là ông W và bị đơn là Công ty do ông Lee Hye G, chức vụ: Giám đốc, có thỏa thuận với nhau về việc nguyên đơn góp vốn vào Công ty với số tiền là 200.000 USD, tương đương 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) và thời gian góp đủ vốn là đến ngày 31/8/2015. Cũng theo thỏa thuận trên, sau khi nguyên đơn góp đủ vốn thì Công ty có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng cho nguyên đơn 30% cổ phần và 30% lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tính từ ngày 01/8/2015.

Thực hiện hợp đồng, Công ty đã nhận của nguyên đơn 2 đợt: đợt 1 vào ngày 10/8/2015 với số tiền là 2.000.000.000đ và đợt 2 vào ngày 24/9/2015 với số tiền là 1.000.000.000đ. Tổng số tiền vốn góp mà nguyên đơn đã góp vào công ty tính đến thời điểm ngày 24/9/2015 là 3.000.000.000đ. Số tiền nguyên đơn góp vào đã được Công ty đầu tư vào đơn hàng sản xuất Paleet nhưng do không thu được lợi nhuận vì nhiều lý do khách quan và chủ quan nên số tiền trên đã thua lỗ hết.

Trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12/2015, phía nguyên đơn đã cử ông Lee Sung H đến làm việc tại Công ty phụ trách tình hình tài chính và mọi chi tiêu của Công ty đều phải có sự đồng ý và chữ ký của ông H mới thực hiện được. Đến cuối tháng 12/2015 ông H đã tự ý bỏ việc tại Công ty, chốt sổ sách và giấy tờ liên quan đến tài chính công ty và nguyên đơn cũng không góp thêm tiền vào công ty như đã cam kết.

Sau đó, giữa ông Lee Hye G – Giám đốc Công ty và ông C đã thỏa thuận sẽ chuyển khoản góp vốn của ông thành khoản vay của Công ty nhưng do ông C tính lãi cao quá nên 2 bên không đi đến thống nhất được về vấn đề này.

Như vậy, việc ông W góp vốn vào Công ty là hoàn toàn tự nguyện với mục đích nhận 30% cổ phần và 30% lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thỏa thuận ngày 31/8/2015 nhưng ông W chỉ mới góp được 3.000.000.000 đồng, chưa đủ 4.000.000.000 đồng là vi phạm cam kết của hai bên và số tiền ông C góp vốn, Công ty đã đưa vào kinh doanh nhưng bị thua lỗ hết, nên việc ông W yêu cầu Công ty trả lại số tiền trên là hoàn toàn không có căn cứ. Bên cạnh đó, Công ty cũng không tự ý sử dụng số tiền trên mà ông W đã cử người qua cùng quản lý và điều hành Công ty nên ông W phải có nghĩa vụ gánh vác trách nhiệm với Công ty.

* Người làm chứng là ông Lee Sung H, tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai ngày 18.4.2017 và 15.8.2017, đã trình bày:

Sau khi Ông Cho Gun W góp vốn vào Công ty thì đã nhờ ông Lee Sung H đến công ty để làm việc với mục đích để quản lý số tiền vốn đã đầu tư. Ông Lee Sung H chỉ làm giúp không nhận lương hay bất cứ quyền lợi gì từ ông W cũng như Công ty. Ông Lee Sung H đã làm tại Công ty Kỹ thuật Gỗ Toàn Cầu của ông Lee Hye G trong vòng 4 tháng từ ngày 14/8/2015 đến ngày 12/12/2015. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác, ông Lee Sung H đã không được giao đầy đủ sổ sách kế toán, thu chi như cam kết ban đầu. Chỉ những giấy tờ kế toán nào mà ông Lee Hye G cho phép thì ông Lee Sung H mới được xem. Đồng thời công ty CT cũng không sử dụng số tiền của ông Cho Gun W vào sản xuất pallet mà đầu tư vào các dự án khác như sản xuất thớt, tổ chim bằng gỗ, mùn cưa, than gỗ... Ngoài ra, với cam kết sản lượng sản xuất 10.000 tấm pallet trong 1 tháng của Công ty CT là không đúng vì năng lực sản xuất không đáp ứng được và thực tế chứng minh từ khi đầu tư tiền và mua thêm một số máy móc thì công ty cũng không đảm bảo được sản lượng như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: vụ án được Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý về việc “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xác định lại tranh chấp giữa Ông Cho Gun W và Công ty TC là Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 BLTTDS năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 01/8/2015 Ông Cho Gun W và Công ty TC đã tự nguyện thỏa thuận giao kết, theo đó ông C cam kết đến ngày 31/8/2015 góp vốn vào Công ty với số tiền là 4.000.000.000 đồng, đồng thời Công ty sẽ nhượng lại cho nguyên đơn 30% cổ phần của Công ty và 30% tiền lợi nhuận tính từ ngày 01/8/2015. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng đã thừa nhận trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là 2 lần giao tiền cho Công ty với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận về việc tăng vốn góp của Công ty bằng việc tiếp nhận vốn góp của thành viên mới là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Luật Doanh nghiệp 2014 nên cần được thừa nhận. Đồng thời xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình góp vốn, hợp tác đầu tư.

[2.2] Công ty cho rằng ông W đã vi phạm cam kết là đến ngày 31/8/2015 phải góp vốn đủ 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời hạn cam kết ông W góp 2.000.000.000 đồng và sau thời hạn cam kết, đến ngày 24/9/2015 Công ty vẫn nhận của ông C 1.000.000.000 đồng góp vốn và không có ý kiến gì, đồng nghĩa với việc giữa 2 bên vẫn tiếp tục thực hiện thỏa thuận góp vốn trên.

[2.3] Theo thỏa thuận của 2 bên, sau khi ông C góp vốn vào Công ty thì Công ty có trách nhiệm chuyển giao 30% cổ phần của Công ty cho ông. Tuy nhiên, sau lần góp vốn thứ hai ngày 24/9/2015, Công ty vẫn không cung cấp bất kỳ giấy tờ chứng minh thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp tương ứng với số tiền mà ông C đã chuyển cho Công ty. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Công ty đã không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc thực hiện nghĩa vụ chuyển giao phần vốn góp tương ứng theo thỏa thuận.

[2.4] Ngoài ra, trong thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp giữa hai bên, Công ty đã cam kết cùng với việc chuyển nhượng 30% vốn góp, Công ty sẽ chuyển giao việc quản lý tài chính kế toán của Công ty cho ông C thông qua ông Lee Sung H là người do ông C cử đến và tất cả mọi chi tiêu của Công ty phải có chữ ký của ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lee Hye G cũng thừa nhận nghĩa vụ này của Công ty đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, tại biên bản

lấy lời khai ngày 18.4.2017 và ngày 15.8.2017, ông Lee Sung H trình bày: Ông Lee Sung H đến làm tại Công ty của ông Lee Hye G trong vòng 4 tháng từ 14/8/2015 đến 12/12/2015. Trong quá làm việc ông không được Công ty hợp tác. Công ty không giao đầy đủ sổ sách kế toán để ông kiểm tra như cam kết. Chỉ những giấy tờ kế toán nào mà ông Lee Hye G cho phép thì ông Lee Sung H mới được xem. Đồng thời Công ty cũng không sử dụng số tiền của ông W vào sản xuất pallet mà đầu tư vào các dự án khác như sản xuất thớt, tổ chim bằng gỗ, mùn cưa, than gỗ... Ngoài ra, Công ty cam kết sản lượng sản xuất 10.000 tấm pallet trong 1 tháng là không đúng vì năng lực sản xuất không đáp ứng được. Thực tế chứng minh từ khi đầu tư tiền và mua thêm 1 số máy móc thì công ty cũng không đảm bảo được sản lượng như trên. Do vậy, ông Lee Sung H báo lại với ông W về việc Công ty không thực hiện như cam kết và ông H nghỉ việc tại Công ty.

[2.5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông C góp vốn vào Công ty để hợp tác kinh doanh nên lợi nhuận được tính từ ngày hoàn thành việc góp vốn. Công ty đã sử dụng 03 tỉ đồng mà nguyên đơn góp vào đúng mục đích và đã bị thua lỗ. Tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ cung cấp không chứng minh được như trình bày của bị đơn. Do vậy, trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận

[2.6] Tại bản tự khai của ông Lee Hye G là đại diện theo pháp luật của Công ty cũng thừa nhận việc sẽ hoàn trả lại số tiền 3 tỷ đồng cho Ông Cho Gun W nhưng không cam kết thời gian trả. Điều này cũng đã được ông Lee Hye G thừa nhận trong bản dịch bằng ghi âm do Thừa phát lại của Hàn Quốc xác nhận (trang 81 và 88, trang 91 và 92)

[2.7] Từ những nhận định trên, xét thấy công ty đã vi phạm nghĩa vụ trong việc thực hiện thỏa thuận góp vốn đã ký kết như nguyên đơn trình bày là hoàn toàn có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TC trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã góp vào Công ty là 3.000.000.000đ.

[2.8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã trình bày quan điểm: (i) Về thủ tục tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, xét xử sơ thẩm vụ án; (ii) Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Cho Gun W về việc buộc Công ty TC phải trả lại cho Ông Cho Gun W số tiền 3.000.000.000 đồng.

Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ông Cho Gun W nên Công ty TC phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.000.000đ.

Ông Cho Gun W không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Cho Gun W số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 46.000.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003792 ngày 26.8.2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 48, Điều 50 Luật doanh nghiệp 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Cho Gun W đối với Công ty TC về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty*”.

2. Buộc Công ty TC có trách nhiệm trả lại cho Ông Cho Gun W số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng)

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty TC phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 92.000.000đ.

3.2 Hoàn trả cho Ông Cho Gun W số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 46.000.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003792 ngày 26.8.2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Án xử công khai, tuyên án có mặt của đại diện nguyên đơn, bị đơn. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/9/2017.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Cục THA DS Tp. Đà Nẵng;
- Chi cục THA DS Q. Liên Chiểu Tp. Đà Nẵng;
- Lưu HS, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu